

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 577/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1999; địa chỉ đường L, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

* **Bị đơn:** Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1996; địa chỉ Đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Lê Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc M sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian rồi đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh M sống không chung thủy, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M. Về con chung, không có. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Ngọc M được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình “*Ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn Trần Ngọc M đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt; cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chính là anh M sống không chung thủy, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn; cho nên, chị T cương quyết xin được ly hôn. Riêng anh M đã biết chị T xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến phản đối, không đến tham gia phiên hòa giải, xét xử, cũng không quan tâm và bỏ mặc cho chị T tự giải quyết. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh M mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh M là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ngọc T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T. Chị T được ly hôn với anh Trần Ngọc M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003260, ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, nên chị T không phải nộp thêm.

Báo cho nguyên đơn biết, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố V, VL;
- Lưu: VT,...

Võ Tấn Thành

